

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 8- 2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỠ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hồng Vân

2. Bà Dương Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỡ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỡ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỡ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Hoàng Thị Th**, sinh năm 1987 – Có mặt

- **Bị đơn:** **Anh Trần Văn S**, sinh năm 1986 – Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Xóm LĐ, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:

Chị và anh Trần Văn S kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm LĐ, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S mắc tệ nạn xã hội. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân được khoảng 03 tháng, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Hữu N, sinh ngày 23/11/2007 và Trần Hữu T, sinh ngày 24/12/2014, hiện tại các con đang sống cùng anh S. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, chị có nhà ở, thu nhập ổn định đảm bảo để nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại biên bản lấy lời khai và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Văn S xác định về quá trình kết hôn, con chung như chị Hoàng Thị Th trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ khi Anh đi tù về chị Th thờ ơ, lạnh nhạt, tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân được khoảng 03 tháng, mỗi người ở một nơi. Nay chị Th có đơn khởi kiện ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung, anh cũng đồng ý để chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

[3]. Tại đơn đề nghị đề ngày 02/7/2021, cháu Trần Hữu N, sinh ngày 23/11/2007 xác định nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng với mẹ.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Th, cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S.

+ *Về con chung*: Giao 02 con chung là Trần Hữu N, sinh ngày 23/11/2007 và Trần Hữu T, sinh ngày 24/12/2014 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị Hoàng Thị Th chưa có yêu cầu.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Hoàng Thị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị Th với bị đơn anh Trần Văn S, cùng nơi cư trú: Xóm LĐ, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đều có mặt và thỏa thuận giải quyết được toàn bộ vụ án; tuy nhiên, anh S không ký vào biên bản hòa giải. chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải tiếp theo; vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa anh Trần Văn S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn S.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Th và anh Trần Văn S kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm LĐ, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S mắc tệ nạn xã hội, vợ chồng hiện nay đang sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Cả hai đều nhất trí ly hôn.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Hoàng Thị Th với anh Trần Văn S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Th là có cơ sở chấp nhận, cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Hữu N, sinh ngày 23/11/2007 và Trần Hữu T, sinh ngày 24/12/2014, hiện tại 02 con chung đang sống cùng anh S.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S đồng ý để chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự tự thỏa thuận về việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao 02 con chung là Trần Hữu Nam và Trần Hữu T cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Th, cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Trần Hữu N, sinh ngày 23/11/2007 và Trần Hữu T, sinh ngày 24/12/2014 cho chị Hoàng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Trần Văn S vì chị Hoàng Thị Th chưa có yêu cầu.

Anh Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006637 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Hoàng Thị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Hoàng Thị Th, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Trần Văn S, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã HT, huyện Đồng Hỷ;
- Lưu: hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc